

DANH SÁCH ĐIỂM THI
Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 20**
CBGD **Nguyễn Thành Quân**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	Điểm quá trình	THI	ĐIỂM HP	GHI CHÚ
1	2121110394	Văn Công Thái	An	14/08/2002	CCQ2111C						0.0	0.0	0.0	
2	2121110009	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	01/10/2003	CCQ2111A	6.5	5.0	6.8	8.3	7.5	7.1	6.2	6.6	
3	2121110105	Nguyễn Thanh	Bình	29/06/2003	CCQ2111C	7.5	7.0	6.8	6.3	7.5	7.0	6.0	6.4	
4	2121110048	Nguyễn Thị Kim	Chi	28/04/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.5	9.3	7.5	7.9	6.6	7.1	
5	2121170615	Nguyễn Văn	Chiến	15/05/2003	CCQ2111A	6.5	4.5	7.0	9.7	7.5	7.5	5.8	6.5	
6	2121110061	Nguyễn Thành	Công	25/01/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.2	7.7	7.5	7.4	6.6	6.9	
7	2121110024	Võ Văn	Cường	30/08/2001	CCQ2111A	5.5	4.0	7.0	8.7	8.0	7.1	6.0	6.5	
8	2121110037	Nguyễn Thành	Danh	13/09/2003	CCQ2111B						0.0	0.0	0.0	
9	2121110375	Trần Minh	Dũng	18/08/2003	CCQ2111A	6.0	4.5	7.2	9.0	7.5	7.2	5.6	6.3	
10	2121110074	Hồ Đức	Duy	16/09/2003	CCQ2111C	6.5	6.5	6.8	9.0	7.5	7.5	6.6	7.0	
11	2121110359	Trần Phước Nhật	Duy	24/12/2002	CCQ2111B						0.0	0.0	0.0	
12	2121110063	Nguyễn Thành	Đạt	06/05/2003	CCQ2111B	6.0	7.5	6.8	9.3	7.5	7.7	5.8	6.6	
13	2121110088	Nguyễn Tiến	Đạt	26/01/2003	CCQ2111C	7.5	7.5	7.0	8.0	7.5	7.6	6.6	7.0	
14	2121110017	Nguyễn Trường Bá	Đạt	31/07/2003	CCQ2111A						0.0	0.0	0.0	
15	2121110062	Trần Văn	Đăng	08/11/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.0	9.7	7.5	7.9	6.4	7.0	
16	2121110393	Vũ Văn	Định	06/01/2003	CCQ2111B	6.5	7.0	7.0	8.3	8.5	7.7	6.6	7.1	
17	2121110072	Nguyễn Thành	Đồng	20/07/2003	CCQ2111C	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.4	6.6	6.9	
18	2121110018	Nguyễn Lê	Đức	12/07/2001	CCQ2111A	6.5	7.0	7.2	9.0	7.5	7.7	6.8	7.1	
19	2121110361	Trần Đỗ Trường	Giang	12/06/2003	CCQ2111A	7.0	7.5	7.2	7.0	8.0	7.4	7.0	7.2	

20	2121110095	Nguyễn Xuân	Hạ	13/08/2003	CCQ2111C	7.5	7.0	7.5	8.0	7.5	7.6	5.8	6.5	
21	2121110006	Tạ Ngọc	Hải	26/07/2003	CCQ2111A	7.0	7.0	7.2	9.3	7.5	7.8	6.2	6.9	
22	2121110396	Trần Phan Đại	Hải	10/12/2000	CCQ2111B	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.4	4.0	5.4	
23	2121110002	Văn Ngọc	Hải	28/11/2003	CCQ2111A	6.0	5.0	7.0	8.7	7.5	7.2	6.4	6.7	
24	2121110353	Phạm Phúc	Hân	19/07/2003	CCQ2111B	6.5	7.0	7.0	7.0	7.5	7.1	6.6	6.8	
25	2121110045	Đặng Ngọc	Hiền	08/04/2003	CCQ2111B						0.0	0.0	0.0	
26	2121110023	Nguyễn Đức	Hiếu	18/07/2003	CCQ2111A	7.0	7.0	7.0	9.3	8.0	7.9	5.4	6.4	
27	2121110079	Cù Minh	Hóa	11/04/2003	CCQ2111C						0.0	0.0	0.0	
28	2121110034	Trương Sỹ	Hoàng	21/02/2003	CCQ2111A	6.5	6.5	7.2	8.7	7.5	7.5	5.4	6.2	
29	2121110060	Nguyễn Cao	Hùng	30/04/2003	CCQ2111B	7.0	6.5	6.5	9.0	7.5	7.6	5.8	6.5	
30	2121110358	Phạm Công	Hùng	02/04/2003	CCQ2111A	7.0	7.0	7.2	9.0	7.5	7.7	5.0	6.1	
31	2121110352	Đỗ Quốc	Huy	03/12/2003	CCQ2111A	6.0	5.0	7.0	9.7	7.5	7.5	6.4	6.8	
32	2121110086	Nguyễn Đức Quang	Huy	18/08/2003	CCQ2111C	6.5	7.0	7.5	9.0	9.0	8.1	7.2	7.6	
33	2121110064	Đoàn Minh	Hung	20/10/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.4	8.3	7.5	7.6	5.0	6.0	
34	2121110027	Chamalea	Khải	03/04/2003	CCQ2111A	6.5	7.0	7.4	9.3	8.0	7.9	6.4	7.0	
35	2121110005	Hoàng Nhân	Khải	20/12/2002	CCQ2111A						0.0	0.0	0.0	
36	2121110103	Lý Tấn	Khải	30/07/2003	CCQ2111C	7.0	7.0	7.4	8.3	7.5	7.6	6.2	6.7	
37	2121110020	Trần Đình	Khang	27/06/2002	CCQ2111A	5.0	4.5	6.8	8.0	7.5	6.8	6.8	6.8	
38	2121110351	Nguyễn Công Tuấn	Khanh	30/11/2003	CCQ2111A	7.0	7.0	7.2	7.3	7.5	7.3	6.0	6.5	
39	2121110057	Nguyễn Công	Khánh	08/11/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.8	9.0	9.0	8.3	7.0	7.5	
40	2121110014	Nguyễn Duy	Khánh	04/06/2003	CCQ2111A	6.0	5.0	7.5	8.7	9.0	7.7	6.6	7.0	
41	2121110016	Nguyễn Đăng	Khoa	31/10/2003	CCQ2111A	7.0	6.5	6.8	9.0	7.5	7.6	7.6	7.6	
42	2121110065	Nguyễn Thành	Khoa	28/02/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.4	6.4	6.8	
43	2121110100	Đoàn Vinh Anh	Khôi	20/06/2003	CCQ2111C						0.0	0.0	0.0	
44	2121110028	Nguyễn Bảo	Lâm	25/08/2001	CCQ2111A	7.0	7.5	7.0	9.3	7.5	7.9	6.8	7.2	
45	2121110083	Nguyễn Võ	Linh	25/04/2003	CCQ2111C	7.0	6.5	7.0	7.7	7.5	7.3	5.0	5.9	
46	2121110097	Nguyễn Văn	Lộc	25/09/2003	CCQ2112R	7.0	7.0	7.0	9.0	7.5	7.7	6.4	6.9	
47	2121110013	Tạ Vĩnh	Lộc	01/01/2003	CCQ2111A	7.5	7.0	8.0	9.0	9.0	8.4	5.4	6.6	
48	2121110091	Võ Thị Kim	Mến	02/11/2003	CCQ2111C	7.0	6.5	7.5	9.3	7.5	7.8	7.4	7.6	
49	2121110026	Ngô Trần Chí	Minh	24/11/2003	CCQ2111A	6.5	5.0	7.0	5.0	7.5	6.2	6.6	6.4	
50	2121110011	Trần Quang	Minh	01/02/2003	CCQ2111A	6.5	7.0	7.2	9.3	7.5	7.8	6.0	6.7	

51	2121110354	Trần Ngọc	Mỹ	11/09/2003	CCQ2111C	6.0	7.5	6.8	8.0	7.5	7.3	5.8	6.4	
52	2121110387	Trần Trọng	Nam	15/04/2003	CCQ2111C	7.0	7.0	7.0	9.3	7.5	7.8	5.8	6.6	
53	2121110031	Trương Thị Thu	Nga	02/01/2003	CCQ2111A	7.5	7.0	7.5	8.3	7.5	7.7	6.8	7.1	
54	2121110379	Lê Thị Phương	Nghi	14/06/2003	CCQ2111C	6.5	7.0	7.5	9.0	7.5	7.7	5.6	6.4	
55	2121110075	Nguyễn Thành	Nhân	28/09/2003	CCQ2111C	7.0	7.0	7.2	9.3	7.5	7.8	5.2	6.3	
56	2121110081	Ngô Hoàng An	Ninh	28/12/2003	CCQ2111C	6.0	7.5	7.0	9.0	8.0	7.8	6.2	6.8	
57	2121110054	Nguyễn Thuận	Phát	20/09/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	6.8	9.0	7.5	7.7	6.0	6.7	
58	2121110099	Nguyễn Hồng	Phúc	24/07/2003	CCQ2111C						0.0	0.0	0.0	
59	2121110050	Hoàng Văn	Phú	28/08/2003	CCQ2111B						0.0	0.0	0.0	
60	2121110052	Lê Đức	Phú	08/09/2003	CCQ2111B	7.0	7.5	7.0	5.7	8.0	7.0	4.6	5.6	
61	2121110104	Nguyễn Châu	Phú	19/02/2003	CCQ2111C	7.5	6.5	7.4	8.0	8.0	7.6	6.8	7.1	
62	2121110038	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	17/09/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.5	9.3	7.5	7.9	7.0	7.3	
63	2121110019	Trần Thanh	Quang	26/11/2003	CCQ2111A	7.0	7.0	7.2	9.0	7.5	7.7	6.6	7.1	
64	2121110077	Đặng Anh	Quốc	26/10/2003	CCQ2111C	6.0	7.5	7.2	7.7	7.5	7.3	6.6	6.9	
65	2121110003	Trần Thanh	Sang	06/03/2003	CCQ2111A	7.0	6.5	7.0	8.0	7.5	7.4	5.2	6.1	
66	2121110082	Trần Văn	Tài	15/06/2002	CCQ2111C	7.0	7.0	7.0	9.3	7.5	7.8	5.2	6.2	
67	2121110098	Nguyễn Văn	Tài	25/09/2003	CCQ2111C	6.5	6.5	7.2	7.7	7.5	7.2	4.2	5.4	
68	2121110055	Thới Anh	Tài	27/11/2003	CCQ2111B	6.5	7.0	6.8	8.7	7.5	7.5	5.0	6.0	
69	2121110044	Lâm Nhật	Tân	12/07/2003	CCQ2111B	7.0	7.5	8.0	9.0	9.0	8.4	7.2	7.7	
70	2121110067	Võ Duy	Tân	31/03/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.0	9.7	7.5	7.9	6.2	6.9	
71	2121110076	Trần Thanh	Thái	02/08/2003	CCQ2111C	7.0	7.0	7.0	9.7	7.5	7.9	7.4	7.6	
72	2121110036	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/02/2003	CCQ2111B						0.0	0.0	0.0	
73	2121110090	Nguyễn Hữu	Thì	31/10/2003	CCQ2111C	6.5	6.5	7.2	8.3	7.5	7.4	6.2	6.7	
74	2121110010	Huỳnh Hữu	Thiện	27/05/2001	CCQ2111A	7.0	7.5	8.0	9.7	9.5	8.7	6.0	7.1	
75	2121110042	Nguyễn Phúc	Thọ	23/03/2003	CCQ2111B						0.0	0.0	0.0	
76	2121110087	Trần Hữu	Thọ	10/04/2003	CCQ2111C	7.5	7.0	7.2	8.7	8.0	7.9	7.2	7.5	
77	2121110040	Bùi Thị Hồng	Thơm	28/10/2003	CCQ2111B	7.0	7.5	8.0	9.0	9.0	8.4	6.0	6.9	
78	2121110070	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	21/04/2003	CCQ2111B	6.5	7.0	7.5	6.3	7.5	6.9	7.0	7.0	
79	2121110021	Trần Thị Thanh	Thủy	09/08/2001	CCQ2111A	6.0	6.5	7.5	6.0	7.5	6.7	7.0	6.9	
80	2119180031	Trần Thanh	Tiền	27/01/2001	CCQ1918A	7.0	6.5	7.0	9.0	7.5	7.6	6.4	6.9	

81	2121110376	Nguyễn Trung	Tín	27/08/2003	CCQ2111A						0.0	0.0	0.0	
82	2121110039	Phạm Văn	Tín	03/12/2003	CCQ2111B	6.5	7.0	6.5	7.7	7.5	7.2	5.8	6.4	
83	2120030172	Lê Thanh	Toàn	01/08/2002	CCQ2003E	6.5	7.0	7.0	7.0	7.5	7.1	5.8	6.3	
84	2121110035	Phùng Ngọc	Toàn	07/12/2003	CCQ2111A	5.5	4.5	6.5	9.7	7.5	7.3	5.4	6.1	
85	2121110007	Nguyễn Thành	Trí	11/08/2003	CCQ2111A	6.5	5.0	7.0	8.0	7.5	7.1	6.2	6.5	
86	2121110043	Nguyễn Quốc	Trung	16/07/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.0	8.3	7.5	7.5	7.4	7.4	
87	2121110025	Vương Lê	Trung	15/09/2003	CCQ2111A	5.5	5.0	6.8	8.0	7.5	6.9	7.6	7.3	
88	2121110092	Thái Minh	Trực	05/01/2003	CCQ2111C	6.5	7.0	8.0	9.3	9.0	8.3	7.4	7.8	
89	2121110015	Nguyễn Nhật	Trường	28/03/2003	CCQ2111A	7.0	7.5	8.0	9.7	9.0	8.6	7.6	8.0	
90	2121110032	Phạm Hữu	Tứ	07/06/2003	CCQ2111A	6.0	5.0	6.8	8.0	7.5	7.0	6.8	6.9	
91	2121110066	Đoàn Quốc	Việt	24/08/2003	CCQ2111B	7.0	7.0	7.0	9.0	7.5	7.7	7.0	7.3	
92	2121110101	Lê Hữu	Việt	10/11/2002	CCQ2111C						0.0	0.0	0.0	
93	2121110046	Trịnh Quốc	Việt	02/09/2003	CCQ2111B	6.5	7.0	7.0	9.0	7.5	7.6	6.2	6.8	
94	2121110068	Nguyễn Đức	Vinh	05/05/2003	CCQ2111B	7.5	7.0	7.4	8.0	7.5	7.6	4.8	5.9	
95	2121110084	Đỗ Thị Tuyết	Xuân	31/12/2003	CCQ2111C	7.0	6.5	7.5	9.0	7.5	7.7	6.8	7.2	
96	2121110058	Phan Phú	Yên	30/05/2003	CCQ2111B	6.5	7.0	7.0	7.3	7.5	7.2	6.2	6.6	

